FireAnt

CTCP Đồ hộp Hạ Long (HNX: CAN)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	50,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	62,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	35,600
SL cổ phiếu LH	5,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,921
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	252
P/E	36.3
EPS	1,387

	YTD	1T	3T	6T
CAN	-6.7%	-14.9%	-6.7%	17.2%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

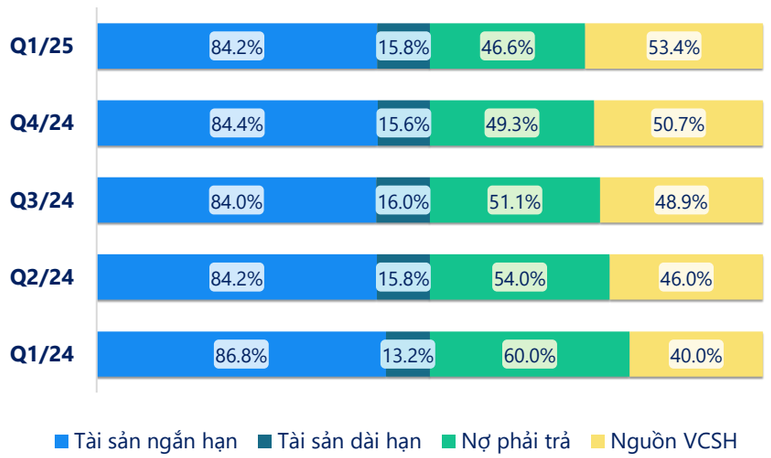

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

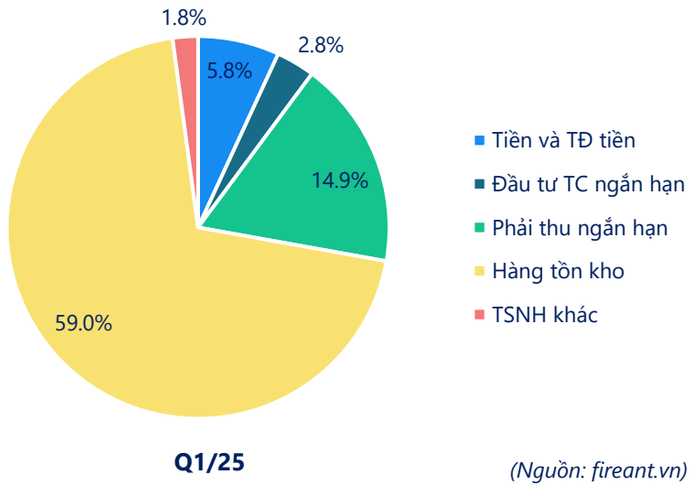

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

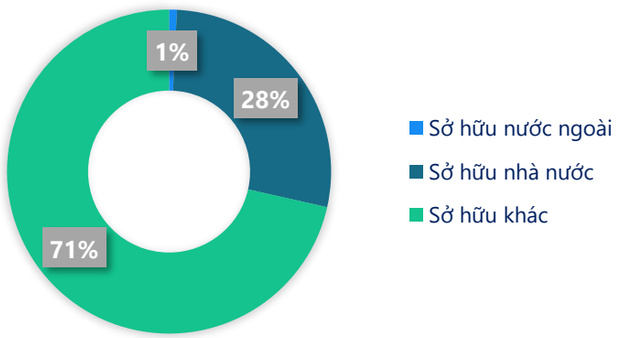

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

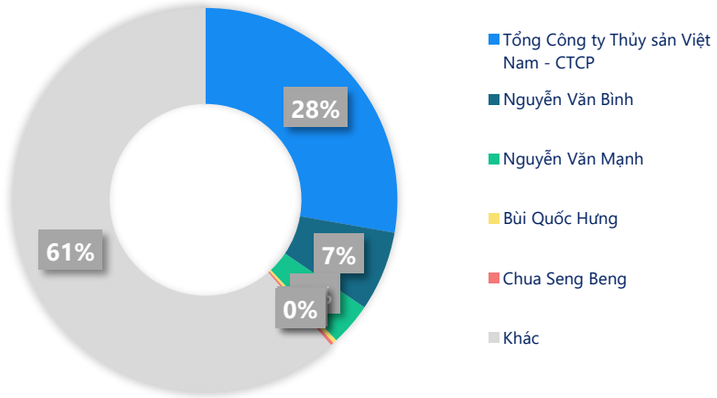

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

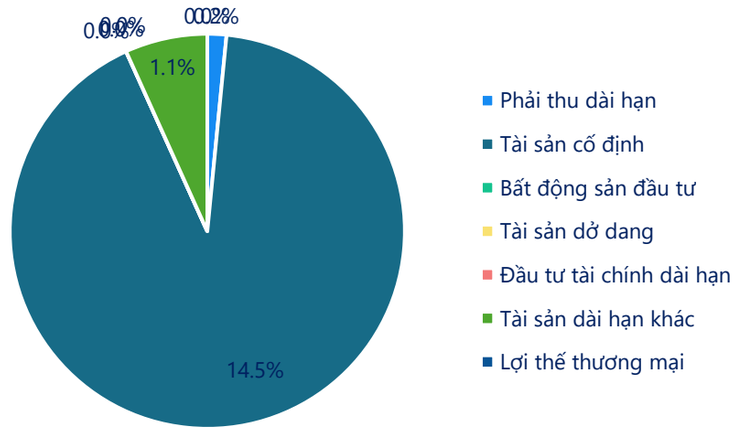

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đồ hộp Hạ Long (HNX: CAN)

Tiền và tương đương tiền

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

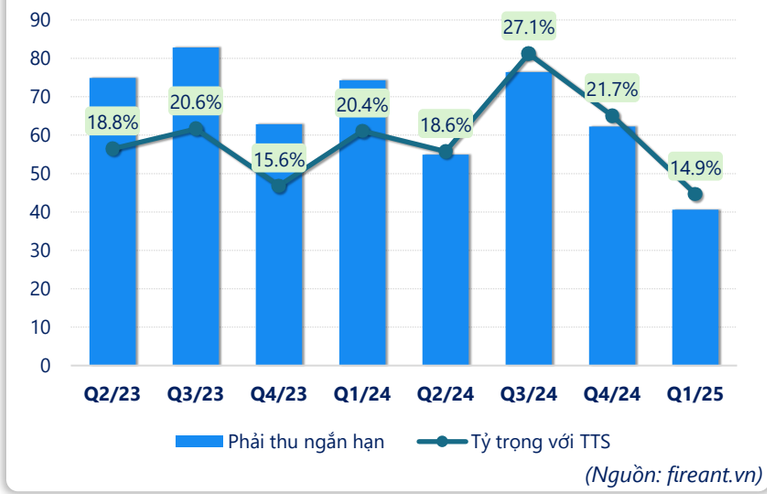

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

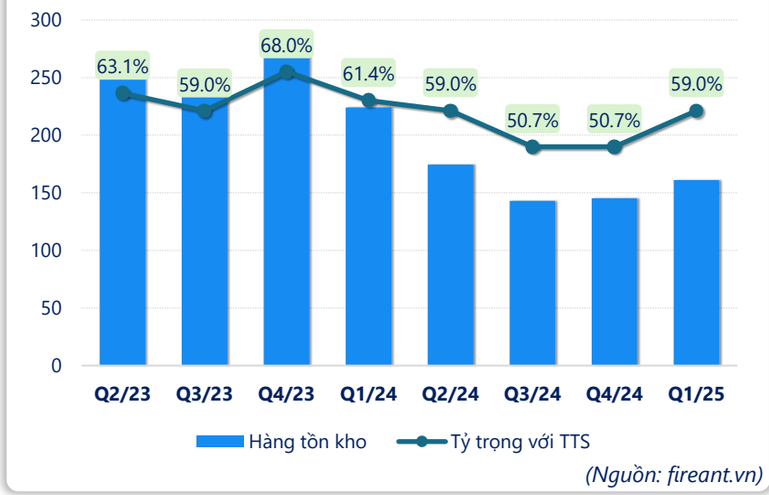

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

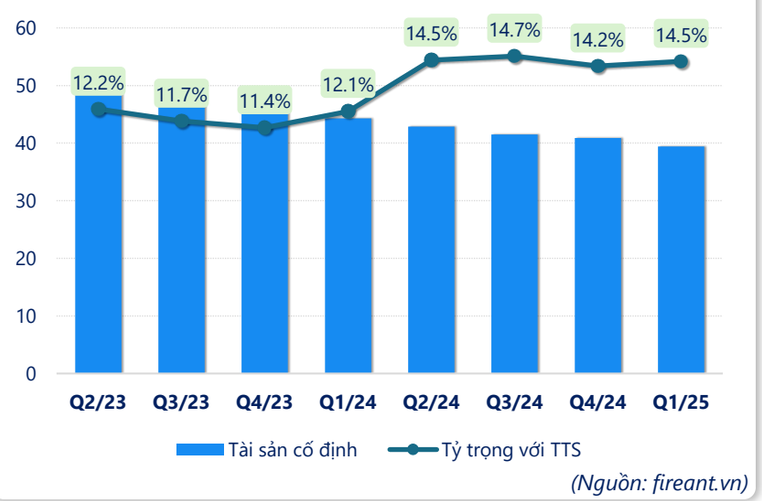

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

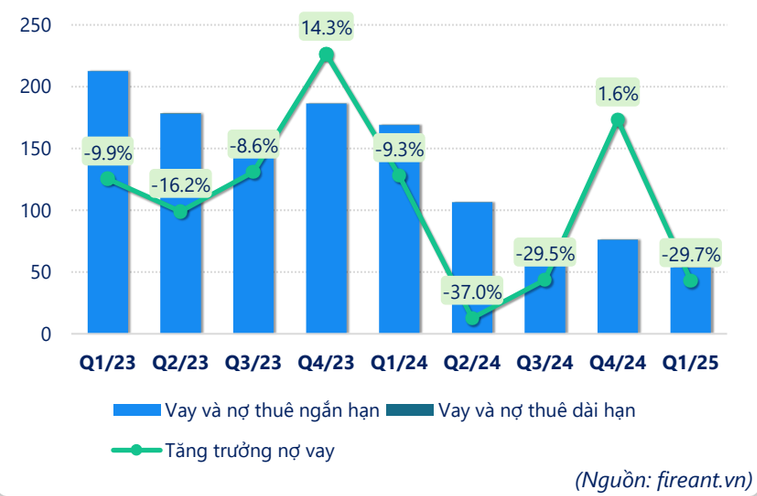

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

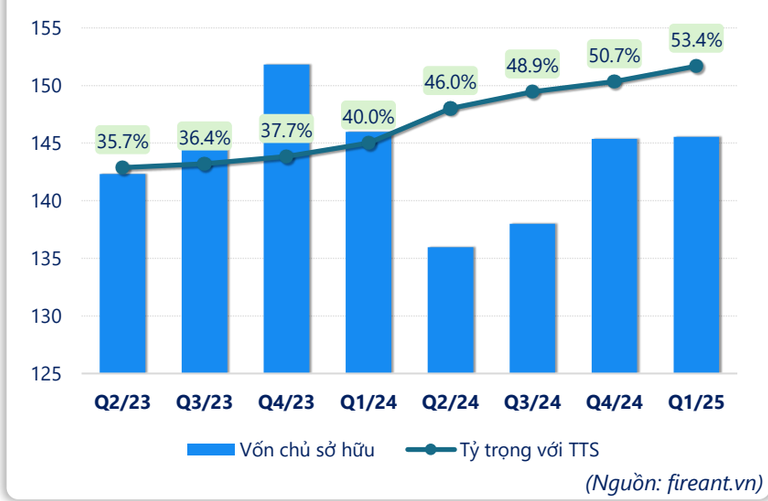

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Đồ hộp Hạ Long (HNX: CAN)

Kết quả kinh doanh

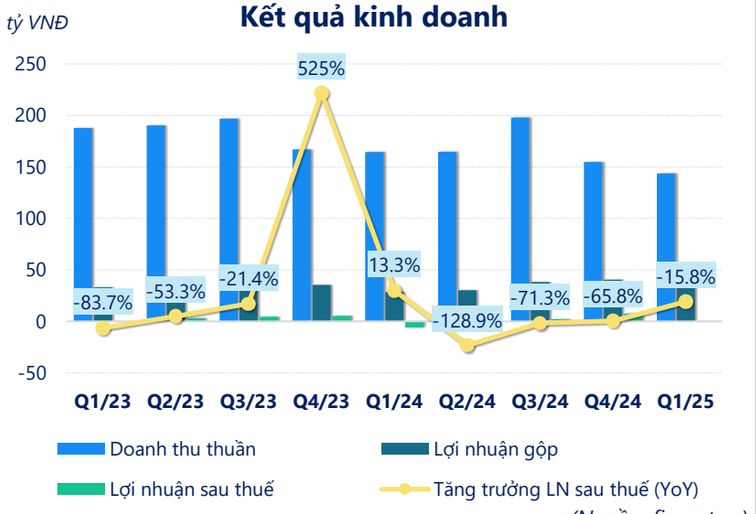

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

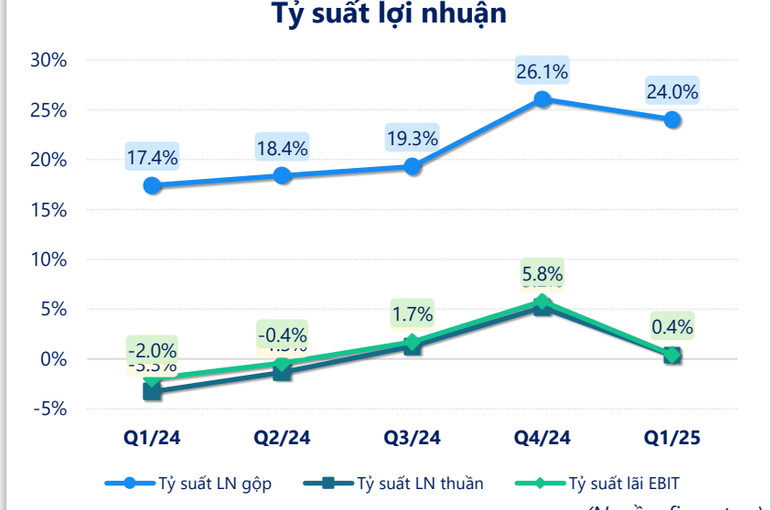

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

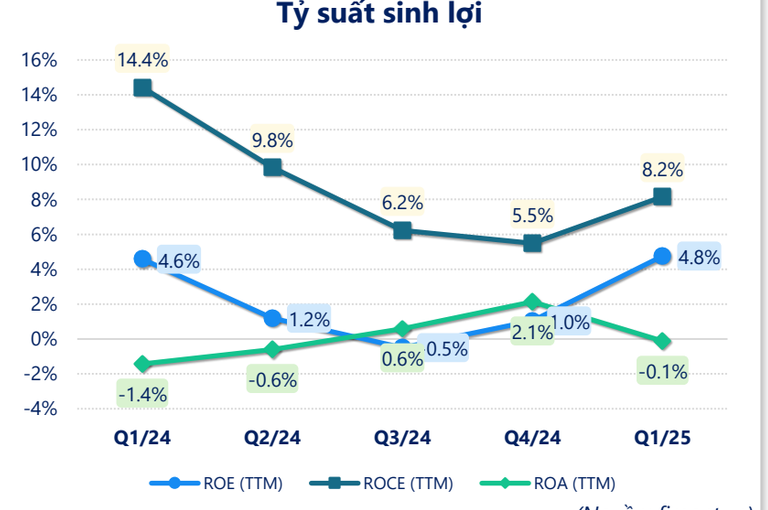

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

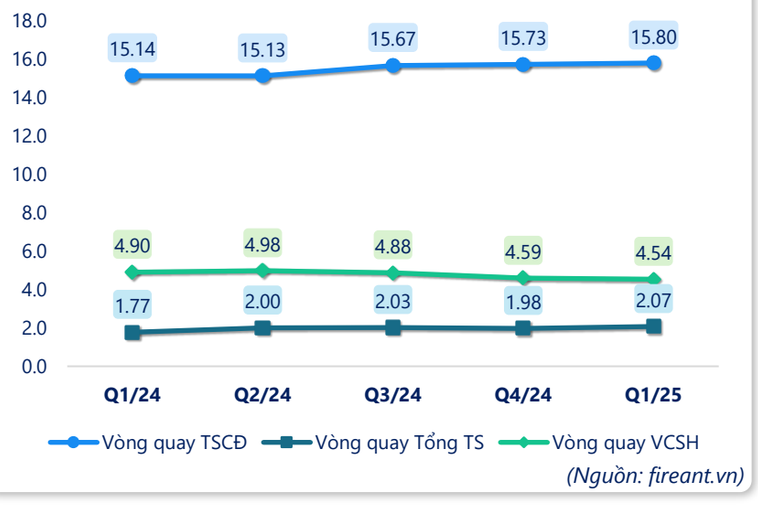

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

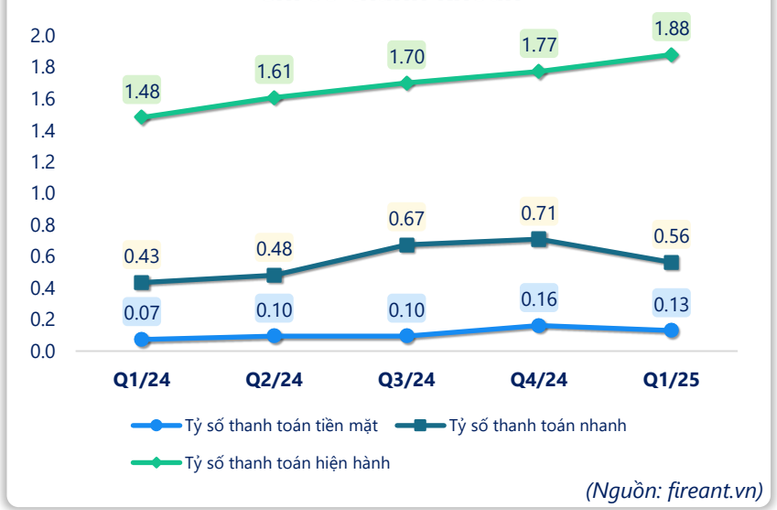

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

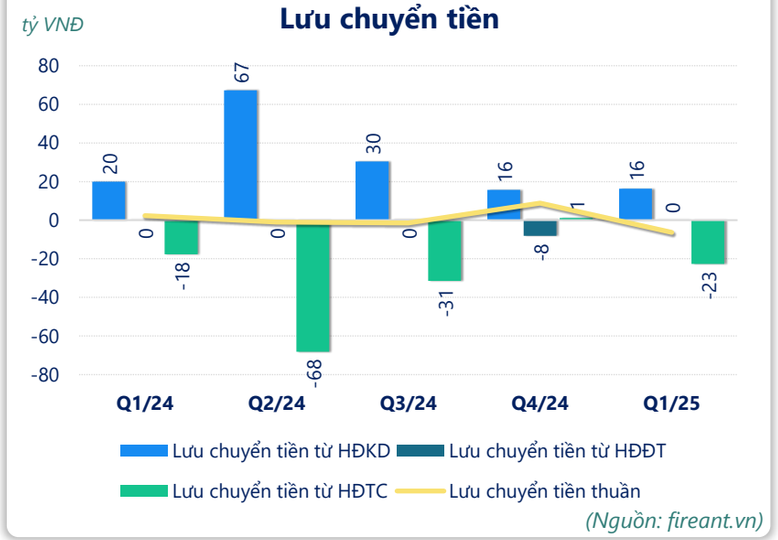

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đồ hộp Hạ Long (HNX: CAN)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**273**	**287**	**-4.8%**
Tài sản ngắn hạn	230	242	-5.1%
Tiền và tương đương tiền	15.8	22.1	-28.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.50	7.50	0.0%
Phải thu ngắn hạn	40.6	61.9	-34.5%
Hàng tồn kho	161	145	10.7%
Tài sản ngắn hạn khác	4.91	5.09	-3.6%
Tài sản dài hạn	**43.0**	**44.7**	**-3.7%**
Phải thu dài hạn	0.67	0.67	0.0%
Tài sản cố định	39.4	40.9	-3.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.90**	**3.13**	**-7.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	127	141	-9.6%
Nợ ngắn hạn	**122**	**136**	**-10.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	53.6	76.2	-29.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	46.7	34.5	35.4%
Nợ dài hạn	5.01	5.00	0.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.10	0.13	-23.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**146**	**146**	**-0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**146**	**146**	**-0.3%**
Vốn điều lệ	50.0	50.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	164	165	198	155	144
Giá vốn hàng bán	136	134	160	114	109
Lợi nhuận gộp	28.6	30.3	38.2	40.3	34.5
Doanh thu HĐTC	0.64	0.93	0.50	0.75	0.89
Chi phí TC	3.58	2.41	1.58	1.13	1.26
Chi phí lãi vay	2.24	1.61	1.01	0.75	0.75
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	23.3	22.8	26.0	24.9	26.8
Chi phí QLDN	7.74	8.19	8.66	7.05	6.84
LN thuần từ HĐKD	-5.41	-2.21	2.54	7.99	0.53
Lợi nhuận khác	-0.08	-0.06	-0.18	0.22	-0.67
LN trước thuế	-5.48	-2.27	2.36	8.21	-0.14
Lợi nhuận sau thuế	-5.79	-2.06	2.03	7.36	-0.39
LNST của CĐ cty mẹ	-5.79	-2.06	2.03	7.36	-0.39

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.0	67.3	30.4	15.8	16.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.06	-0.11	-0.38	-8.10	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-17.6	-68.1	-31.5	1.16	-22.6
Tiền đầu kỳ	13.4	15.7	14.7	13.3	21.7
Lưu chuyển tiền thuần	**2.31**	**-0.98**	**-1.49**	**8.82**	**-6.33**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.01	0.07	0.01
Tiền cuối kỳ	15.7	14.7	13.3	22.1	15.4

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic